

BÁO CÁO

**Tổng kết 10 năm thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn
theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ
trong xây dựng nông thôn mới**

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG
NÔNG THÔN TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY**

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG

1. Bối cảnh và điều kiện hiện tại

Tỉnh Thanh Hóa có diện tích 11.133,4 km², với 27 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 02 thành phố, 01 thị xã và 24 huyện; 635 xã, phường, thị trấn.

Dân số của tỉnh hiện nay khoảng 3.599 nghìn người; dân số trong độ tuổi lao động khoảng 2.424 nghìn người. Cơ cấu lao động chia theo nhóm ngành kinh tế năm 2018: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 40%; Công nghiệp, xây dựng 32%; Dịch vụ 28%.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo các năm 2010, 2015, 2016, 2017, 2018, ước 2019 lần lượt là: 40%; 55%; 58%; 61,7%; 64%; 67% (trong đó tỷ lệ có văn bằng chứng chỉ các năm 2015, 2016, 2017, 2018, ước 2019 là: 20,2%; 21%; 22,04%; 24,7%; 26%).

Tổng số cơ sở tham gia hoạt động GDNN trên địa bàn: 91 cơ sở, trong đó:

- Trường cao đẳng: 12 (công lập: 7).
- Trường trung cấp: 17 (công lập: 11).
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp: 30 (công lập cấp huyện: 24).
- Doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp: 16.
- Trường đại học đăng ký hoạt động GDNN trình độ cao đẳng: 4.
- Khác: 10.

2. Mục tiêu đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2010-2015 và 2016-2020

- Giai đoạn 2010-2015: Đào tạo nghề cho 307.360 LĐNT. Trong đó, cao đẳng nghề: 22.000 người, bình quân mỗi năm đào tạo 4.400 người; trung cấp nghề: 60.360 người, bình quân mỗi năm đào tạo 12.072 người; sơ cấp nghề và DNTX: 225.000 người, bình quân mỗi năm đào tạo 45.000 người.

- Giai đoạn 2016-2020: Đào tạo nghề cho 356.860 LĐNT. Trong đó, cao đẳng nghề 26.500 người, bình quân mỗi năm đào tạo 5.300 người; trung cấp nghề: 70.500 người, bình quân mỗi năm đào tạo 14.100 người; sơ cấp nghề và DNTX: 259.860 người, bình quân mỗi năm đào tạo 51.972 người.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019, ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2019

1. Kết quả, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn

1.1. Kết quả

- Giai đoạn 2010-2015: Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp là: 347.437 người (cao đẳng 8.394, trung cấp 35.528, sơ cấp 139.438, đào tạo dưới 3 tháng 164.077). Trong đó lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo tạo dưới 3 tháng là 38.895 người (nghề nông nghiệp 21.850 người, nghề phi nông nghiệp 17.045 người).

- Giai đoạn 2016-2018: Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp là: 211.828 người (cao đẳng 5.182, trung cấp 16.616, sơ cấp 69.717, đào tạo dưới 3 tháng 120.313). Trong đó lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo tạo dưới 3 tháng là 21.144 người (nghề nông nghiệp 6.787 người, nghề phi nông nghiệp 14.357 người).

- 06 tháng đầu năm 2019: Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp là: 29.255 người (cao đẳng 467, trung cấp 1.967, sơ cấp 11.086, đào tạo dưới 3 tháng 15.735). Trong đó lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo tạo dưới 3 tháng là 1.277 người (nghề nông nghiệp 579 người, nghề phi nông nghiệp 699 người).

- Ước thực hiện năm 2019: Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp là: 71.380 người (cao đẳng 2.580, trung cấp 5.590, sơ cấp 23.220, đào tạo dưới 3 tháng 39.990). Trong đó lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo tạo dưới 3 tháng là 5.425 người (nghề nông nghiệp 1.910 người, nghề phi nông nghiệp 3.515 người).

1.2. Hiệu quả

- Giai đoạn 2010-2015: Tổng số lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ học nghề xong có việc làm là 32.942 người, đạt 84,7%. Trong đó: doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng là 7.860 người (chiếm 23,86%); doanh nghiệp, đơn vị bao tiêu sản phẩm là 6.937 người (chiếm 21,06%); tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên hoặc tự tạo việc làm 18.145 người (chiếm 55,08%).

- Giai đoạn 2016-2018: Tổng số lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ học nghề xong có việc làm là 18.758 người, đạt 88,7%. Trong đó: doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng là 7.195 người (chiếm 38,36%); doanh nghiệp, đơn vị bao tiêu sản phẩm là 3.824 người (chiếm 20,39%); tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên hoặc tự tạo việc làm 7.739 người (chiếm 41,25%).

- Ngoài đối tượng lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo nghề theo chính sách Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày, giai đoạn 2010 đến nay, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại; chính sách khuyến công của tỉnh và trung ương đã hỗ trợ đào tạo

nghề cho 50.056 lao động. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã duy trì và nhân cấy mới được 36 nghề tiểu thủ công nghiệp đang hoạt động (với 29 nghề truyền thống và 09 nghề mới), 125 làng nghề tiểu thủ công nghiệp.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã

Sở Nội vụ đã phối hợp với các ngành chức năng biên soạn, trình UBND tỉnh phê duyệt 02 bộ tài liệu “Bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước và Kỹ năng lập kế hoạch, chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo nghề ở địa phương” và “Bồi dưỡng kiến thức Khuyến công cho cán bộ, công chức cấp xã”; trên cơ sở 26 bộ tài liệu bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã được Bộ Nội vụ tập huấn và chuyển giao, Sở Nội vụ đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức in 20.050 cuốn tài liệu phục vụ cho công tác giảng dạy bồi dưỡng, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã tại các cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn 2010 - 2019 đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội theo chức danh, vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành và thực thi công vụ cho 64.405 lượt cán bộ, công chức cấp xã.

- Bồi dưỡng các chương trình Bí thư, Phó Bí thư và trưởng các đoàn thể; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND; kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng lãnh đạo cho 13.973 lượt cán bộ chuyên trách đảng, đoàn thể.

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo chức danh, vị trí việc làm cho 18.692 lượt công chức chuyên môn cấp xã. Trong đó: chương trình Trưởng công an xã là 1.237 lượt người; chương trình Chỉ huy trưởng quân sự xã là 637 lượt người; chương trình xây dựng 1.249 lượt người; chương trình Địa chính - Môi trường 2.853 lượt người; chương trình Công tác lao động - người có công và xã hội 3.607 lượt người; chương trình Tư pháp - Hộ tịch 3.235 lượt người; chương trình Tài chính - Kế toán 2.489 lượt người; chương trình Văn hóa 1.823 lượt người; chương trình Văn phòng - Thống kê 2.233 lượt người; chương trình Công nghệ thông tin 2.531 lượt người.

- Ngoài ra, tỉnh còn huy động từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tỉnh để tổ chức bồi dưỡng cho 31.740 lượt người là cán bộ, công chức cấp xã; đội ngũ không chuyên trách cấp xã về xây dựng nông thôn mới, quản lý nông nghiệp, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm; cải cách hành chính; giao tiếp, văn hóa công sở, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử, kỷ luật, kỷ cương; hội nhập quốc tế; kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh; xử lý đơn thư khiếu nại tố cáo; kiến thức quản lý nhà nước về du lịch; nghiệp vụ văn thư lưu trữ...

Qua 10 năm thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã đã có nhiều chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng, góp phần vào việc nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Việc tổ chức các lớp bồi dưỡng theo Đề án đã góp phần nâng cao kiến thức, năng lực quản lý, kỹ năng điều hành và thực thi nhiệm vụ của cán bộ, công chức cấp xã, tạo được sự chuyển biến sâu sắc, từng bước xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đảm bảo tiêu

chuẩn trình độ lãnh đạo, quản lý và thành thạo chuyên môn, nghiệp vụ, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhìn chung, trong giai đoạn 2011-2019, tỉnh Thanh Hóa đã đạt được mục tiêu đề ra về số lượng và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã.

3. Nguồn lực thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2010-2019 là 265.832,693 triệu đồng (Hai trăm sáu mươi lăm tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi ba đồng nghìn đồng)

- Ngân sách Trung ương: 208.122,526 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 40.923,81 triệu đồng;
- Nguồn khác: 16.786,357 triệu đồng.

Cụ thể:

*** Đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 229.472,883 triệu đồng.**

- Ngân sách Trung ương (CTMTG giáo dục-đào tạo; CTMTQG Việc làm và dạy nghề; CTMTQG giảm nghèo bền vững; CTMTQG xây dựng nông thôn mới): 193.102,526 triệu đồng.

- + Điều tra, khảo sát nhu cầu đào tạo nghề: 820 triệu đồng;
- + Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập cấp huyện: 78.800 triệu đồng, trong đó xây dựng phòng học, nhà xưởng 20.300 triệu đồng; mua sắm thiết bị đào tạo 58.500 triệu đồng;
- + Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn: 102.832,526 triệu đồng;
- + Hỗ trợ đào tạo nghề cho người khuyết tật: 6.230 triệu đồng;
- + Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, người dạy nghề: 3.053 triệu đồng;

+ Kiểm tra, giám sát hoạt động đề án: 1.367 triệu đồng;

- Ngân sách tỉnh: 19.584 triệu đồng;
- Nguồn khác: 16.786,357 triệu đồng.

*** Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã: 36.359,81 triệu đồng**

- Ngân sách Trung ương: 15.020 triệu đồng;
- Ngân sách tỉnh: 21.339,81 triệu đồng;

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2010-2015 VÀ 2016-2018, 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

1. Về công tác kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành và hệ thống cơ quan tham mưu, giúp việc tổ chức quản lý và triển khai thực hiện

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo/Tổ công tác

Sau 9 năm triển khai thực hiện Đề án, Ban chỉ đạo/Tổ công tác thực hiện Đề án tỉnh, huyện, xã đã được kiện toàn phù hợp với tình hình thực tế. 27/27 huyện, thị xã, thành phố thành lập Ban chỉ đạo, 635/635 xã, phường, thị trấn đã thành lập Ban chỉ đạo hoặc tổ công tác giúp việc;

- Rà soát, phê duyệt danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động - Thương và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan tham mưu xây dựng và trình phê duyệt danh mục nghề đào tạo và định mức phí đào tạo, định mức hỗ trợ chi phí đào tạo phù hợp theo từng giai đoạn, cụ thể:

- + Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 25/11/2010 về việc phê duyệt mức chi phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- + Quyết định số 3443/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ đối với người học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- + Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo và mức hỗ trợ chi phí đào tạo đối với người khuyết tật học chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo nghề 5 năm từng giai đoạn và hàng năm theo nhu cầu đào tạo nghề cho lao động nông thôn của các huyện, thị xã, thành phố.

- Văn bản chỉ đạo, điều hành về đào tạo nghề cho LĐNT của tỉnh:

- + Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/5/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”; Quyết định số 2842/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 về việc phê duyệt Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”;

- + Kế hoạch số 32/KH-BCĐ ngày 7/6/2010 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” và chỉ đạo các huyện khẩn trương thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg theo Kế hoạch số 32/KH-BCĐ;

- + Quyết định số 3906/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020";

- + Quyết định số 4186/QĐ-UBND ngày 25/11/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án triển khai thí điểm cấp thẻ học nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa;

- + Văn bản chỉ đạo số 2818/BCĐ-VX ngày 7/5/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg;

+ Chương trình hành động số 60/CTr-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn;

+ Quyết định số 1742/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”;

+ Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”;

+ Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 17/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”.

- Số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn từ năm 2010 đến nay là 91 cơ sở, trong đó 12 trường cao đẳng; 17 trường trung cấp; 30 trung tâm GDNN; 16 doanh nghiệp, HTX và 14 cơ sở khác.

- Công tác điều phối, phối hợp và phân cấp trong quản lý, điều hành thực hiện: Đã chỉ đạo và phát huy được vai trò trách nhiệm của hệ thống quản lý nhà nước về dạy nghề các cấp, các sở, ban ngành thuộc tỉnh, tham mưu tích cực cho UBND các cấp triển khai các hoạt động của Đề án. Các sở, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp tốt trong việc triển khai thực hiện dạy nghề cho lao động nông thôn. Huy động được toàn bộ hệ thống chính trị, xã hội các cấp tham gia trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, kiểm tra giám sát thực hiện Đề án.

2. Về ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương

Tỉnh Thanh Hóa không ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, chỉ thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo quy định của Trung ương.

Tỉnh đã chỉ đạo lồng ghép các chương trình, dự án, huy động các nguồn lực từ ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, nguồn huy động khác để hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

3. Việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

3.1. Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp, phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề nghiệp

Ngay sau khi triển khai các nội dung Quyết định số 1956/QĐ-TTg, tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trên địa bàn để xây dựng danh mục nghề đào tạo và định mức chi phí đào tạo, chi phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Đồng thời, hàng năm chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố rà soát nhu cầu học nghề, định hướng phát triển ngành nghề của địa phương để bổ sung, điều chỉnh danh mục ngành nghề và định mức chi phí đào tạo cho phù hợp.

3.2. Tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Xác định công tác tuyên truyền, vận động là nhằm nâng cao nhận thức và tạo nên sự đồng thuận cao trong các cấp, các ngành và nhân dân, là một trong những yếu tố quyết định sự thành công trong việc thực hiện Đề án; do đó ngay sau khi Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020” được ban hành, công tác thông tin, tuyên truyền đã được các ngành, các cấp quan tâm và triển khai thực hiện với nhiều hình thức và nội dung phong phú; Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy thường xuyên định hướng và chỉ đạo các cơ quan báo chí thực hiện công tác tuyên truyền thông qua các hội nghị giao ban báo chí hàng tháng; chỉ đạo hệ thống truyền thanh cơ sở xây dựng chuyên mục và đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chương trình trên hệ thống truyền thanh cơ sở.

Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh đã xây dựng được các chuyên mục tuyên truyền phù hợp và đáp ứng được nhu cầu tiếp cận thông tin của nhân dân đối với chương trình đào tạo và công tác phát triển nghề trên địa bàn tỉnh như: Chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Chương trình khoa giáo về kỹ năng trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng chế biến thủy sản, các nghề tiểu thủ công nghiệp...; Báo Thanh Hóa thông qua các trang tin, tin, bài phóng sự, ký sự tuyên truyền về công tác đào tạo nghề ở nông thôn; các cấp Hội, Đoàn thể thông qua tài liệu sinh hoạt để phổ biến và tuyên truyền; các ngành, các cấp mở hội nghị tuyên truyền, hướng dẫn về Chương trình tới các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp.

Kết quả đạt được như sau:

- Giai đoạn 2010-2015 đã có 11.215 tin, bài tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn; 997 cán bộ làm công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.

- Giai đoạn 2016-2018 có 7.240 tin, bài tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn phát trên Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện và Đài truyền thanh cấp xã; hơn 700 cán bộ làm công tác tuyên truyền được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.

- Ước thực hiện trong năm 2019: có gần 2.000 tin, bài tuyên truyền về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Đã có các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác dạy nghề cho LĐNT giai đoạn 2010-2013 được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương, khen thưởng vì đạt thành tích xuất sắc trong thực hiện Đề án 1956 giai đoạn 2010-2014.

3.3. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề

Bằng nguồn kinh phí CTMT quốc gia, CTMT Trung ương hỗ trợ, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các trường có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề và kỹ năng dạy học cho người dạy nghề, bồi dưỡng kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp cho đội ngũ nhà giáo và người dạy nghề trên địa bàn tỉnh, đến nay cơ bản đội ngũ nhà giáo đã được chuẩn hóa

về nghiệp vụ sư phạm và người dạy nghề tham gia dạy nghề của các cơ sở sản xuất kinh doanh đều được bồi dưỡng kỹ năng dạy nghề.

- Số nhà giáo được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm 620 người;
- Số người dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng dạy học 400 người;
- Số nhà giáo được bồi dưỡng phương pháp giảng dạy tích hợp 260 người;
- Số nhà giáo, người dạy nghề được bồi dưỡng kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp 105 người;
- Số cán bộ quản lý cấp huyện, xã được tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ 1.159 người.

Nhìn chung, chất lượng đội ngũ nhà giáo tham gia dạy nghề cho LĐNT đảm bảo về trình độ chuyên môn, đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm. Tuy nhiên, đa số các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập cấp huyện chưa được bố trí đủ giáo viên cơ hữu theo quy định. Để đảm bảo công tác giảng dạy, các cơ sở đã huy động các nhà khoa học, nghệ nhân, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh, các trung tâm khuyến nông - lâm - ngư, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề.

3.4. Phát triển xây dựng chương trình, giáo trình

Hiện tại có 39 nghề, nhóm nghề nông nghiệp và 55 nghề, nhóm nghề công nghiệp - xây dựng - tiểu thủ công nghiệp, 21 nghề dịch vụ được phê duyệt trong danh mục nghề đào tạo và được phê duyệt định mức chi phí đào tạo.

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn các cơ sở GDNN tham gia dạy nghề cho LĐNT xây dựng chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để tổ chức dạy nghề cho LĐNT. Ngoài ra các cơ sở GDNN sử dụng và chỉnh sửa, biên soạn lại chương trình dạy nghề nông nghiệp do Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành và chương trình dạy nghề phi nông nghiệp do Tổng cục Dạy nghề ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Việc xây dựng danh mục nghề đào tạo phù hợp với các nghề đang phát triển tại địa phương. Mức chi phí đào tạo đảm bảo việc tổ chức thực hiện dạy nghề, chương trình dạy nghề phù hợp về nội dung, thời gian đào tạo và đối tượng người học (chủ yếu là dạy nghề từ 2 đến 3 tháng).

3.5. Kết quả đầu tư và hiệu quả sử dụng việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo nghề của các nghề đã được đầu tư

Toàn tỉnh có 24 cơ sở dạy nghề công lập được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề, gồm: 7 trường trung cấp, 15 trung tâm GDNN, Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội và Trung tâm chữa bệnh-giáo dục lao động xã hội số 2 thuộc Sở Lao động-TBXH. Trong đó có 9 cơ sở GDNN được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất xưởng thực hành là: Trường TCN Miền núi, Trường TCN Nga Sơn, Trường TCN Thạch Thành, Trường TCN Yên Định (nay là TT GDNN-GDTX Yên Định), TT GDNN-GDTX Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Đông Sơn.

Các thiết bị dạy nghề được mua sắm chủ yếu là: thiết bị nghề chăn nuôi-thú y, nuôi trồng thủy sản, trồng nấm, may công nghiệp, máy nông nghiệp, cơ khí gò-hàn, điện công nghiệp, điện dân dụng, điện lạnh, buồng-bar-bàn-bếp và một số thiết bị phục vụ dạy nghề lưu động cho lao động nông thôn. Nhìn chung cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư mua sắm đã đưa vào sử dụng, từng bước đáp ứng yêu cầu dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3.6. Mô hình điển hình trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Mô hình đào tạo nghề May công nghiệp để cung ứng lao động cho các doanh nghiệp May trên địa bàn tỉnh;
- Mô hình trồng nấm ở huyện Thạch Thành;
- Mô hình Đan hàng thủ công mỹ nghệ ở CT TNHH Mỹ Quảng (Thiệu Hóa), Hợp tác xã Tân Thọ (Nông Cống);
- Mô hình trồng lúa năng suất cao, sản xuất rau an toàn: huyện Thọ Xuân, Yên Định;
- Mô hình dạy nghề thuyền trưởng, máy trưởng tại huyện Quảng Xương, Hoằng Hóa, Hậu Lộc;
- Mô hình Hợp tác xã sản xuất và chế biến và tiêu thụ nấm ăn tại xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn; xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn; xã Ba Đình, huyện Nga Sơn; xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa của Trung tâm dạy nghề Phụ nữ Thanh Hóa;
- Mô hình đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Nông Phú (Vĩnh Lộc);

3.7. Kiểm tra, giám sát

Từ khi triển khai thực hiện đến nay, Ban Chỉ đạo tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động dạy nghề cho LĐTN tại các huyện, ngoài ra còn có đoàn Thanh tra của Bộ Lao động-TBXH, Thanh tra tỉnh, Thanh tra Sở Lao động-TBXH.

Bên cạnh đó còn có các đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh, đoàn Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Thiện Nhân cùng các Bộ, ngành trung ương thực hiện giám sát hoạt động dạy nghề của tỉnh (năm 2011).

Kết quả đánh giá của các đoàn kiểm tra, giám sát: Nhìn chung công tác dạy nghề cho LĐNT tỉnh Thanh Hóa được các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến xã quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện một cách đồng bộ từ khâu điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động, năng lực dạy nghề của các cơ sở dạy nghề và nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo nghề của cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để xây dựng Đề án dạy nghề cho LĐNT các huyện, thị xã, thành phố và của cả tỉnh. Xác định nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu học nghề của người lao động đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng nông thôn mới của địa phương. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy nghề cho các cơ sở dạy nghề công lập cấp huyện; đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề cho đội ngũ giáo viên dạy nghề, kỹ năng học cho người dạy nghề đáp ứng yêu cầu dạy nghề cho LĐNT trên địa bàn. Bên

cạnh đó khuyến khích, huy động các cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia dạy nghề cho LĐNT và giải quyết việc làm cho người lao động sau khi học nghề.

3.8. Chế độ báo cáo: Các cấp, các ngành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng, 01 năm theo quy định và phân công nhiệm vụ, ngoài ra báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Nội vụ.

4. Về kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới

Kết quả đạt được về số lượng và tỉ lệ năm 2016, 2017, 2018 và dự kiến giai đoạn 2019-2020 về tiêu chí số 14.3 “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả thực hiện năm 2016, 2017, 2018: Lao động có việc làm qua đào tạo toàn tỉnh là: 2.203 ngàn người; 2.223 ngàn người; 2.240 ngàn người; 2.280 ngàn người. Tương ứng với tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 58%; 61,07%; 64,2%.

- Dự kiến giai đoạn 2019-2020: Lao động có việc làm qua đào tạo toàn tỉnh là: 2.260 ngàn người; 2.280 ngàn người. Tương ứng với tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 67%; 70%.

IV. ĐÁNH GIÁ NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN; ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Thuận lợi

UBND tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo thực hiện Đề án dạy nghề cho LĐNT theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Cùng với việc triển khai Đề án 1956, tỉnh Thanh Hóa đã được Chính phủ lựa chọn là một trong hai tỉnh của cả nước thí điểm Thẻ học nghề nông nghiệp cho LĐNT, UBND tỉnh đã phối hợp tích cực với các Bộ, ban, ngành TW, lĩnh hội chỉ đạo kịp thời của Bộ LĐTBXH, đã tổ chức triển khai và phê duyệt Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, Đề án triển khai thí điểm cấp thẻ học nghề nông nghiệp cho LĐNT. Tổng số 27/27 huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh đã được phê duyệt đề án. Đã chỉ đạo và phát huy được vai trò trách nhiệm của hệ thống quản lý nhà nước về dạy nghề các cấp, các sở, ban ngành thuộc tỉnh, tham mưu tích cực cho UBND các cấp triển khai các hoạt động của Đề án.

Các sở, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp tốt trong việc triển khai thực hiện dạy nghề cho LĐNT. Huy động được toàn bộ hệ thống chính trị, xã hội các cấp tham gia trong công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm, kiểm tra giám sát thực hiện Đề án, đặc biệt là sự tham gia phối hợp có hiệu quả của các Trung tâm giáo dục cộng đồng tại các xã. Kết quả thực hiện Đề án nói chung, kết quả hoạt động dạy nghề cho LĐNT nói riêng đã khẳng định UBND tỉnh đã xác định đúng vai trò cấp xã là trung tâm, cấp huyện

là cơ quan tổ chức thực hiện Đề án, qua đó đã tác động đến nhận thức của LĐNT về công tác đào tạo nghề được chuyển biến theo hướng tích cực, số lượng LĐNT tham gia học nghề tăng hàng năm.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Do các Phòng Lao động - TBXH cấp huyện chưa được bố trí biên chế chuyên trách công tác đào tạo nghề mà chỉ kiêm nhiệm nên khó khăn trong việc triển khai các hoạt động của Đề án, việc phối hợp giữa Phòng Lao động - TBXH và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện chưa được chặt chẽ, một số huyện thành lập thêm Ban chỉ đạo đào tạo nghề nông nghiệp trong khi đã có Ban chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện do Phòng Lao động-TBXH làm cơ quan thường trực, dẫn đến chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

- Gợi ý, đề xuất: Bố trí biên chế chuyên trách đào tạo nghề tại Phòng Lao động-TBXH cấp huyện.

2. Đánh giá những thuận lợi; khó khăn, vướng mắc, tồn tại, bất cập đối với việc thực hiện các hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn

2.1. Điều tra, khảo sát, phê duyệt danh mục đào tạo nghề nghiệp, phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề nghiệp...

- Thuận lợi

Ngay sau khi triển khai Quyết định số 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh đã chỉ đạo các huyện tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của doanh nghiệp để làm cơ sở xây dựng đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, đồng thời xây dựng danh mục nghề đào tạo phù hợp với phát triển ngành nghề của địa phương, xây dựng định mức chi phí đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Yêu cầu nghề đào tạo nông nghiệp cho lao động nông thôn cần được chi tiết, cụ thể như kỹ thuật nuôi, trồng đối với mỗi loại cây, con là một nghề tuy nhiên khi triển khai thực tế, bà con nông dân lại cần học nhiều kỹ thuật trong một khóa học để có thể áp dụng được khi gia đình có nuôi, trồng các loại cây, con chứ không riêng lẻ một loại cây hoặc một loại con, vì vậy danh mục nghề đào tạo chưa thể chi tiết, cụ thể theo từng loại cây, con như bộ chương trình sơ cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng. Theo đó, mức chi phí đào tạo cũng chỉ xây dựng trên cơ sở nghề (tổng hợp) hoặc nhóm nghề.

2.2. Công tác tuyên truyền, vận động, truyền thông về đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Thuận lợi

Từ sự chủ động tuyên truyền, nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã được nâng lên góp phần tích cực vào kết quả đào tạo nghề của tỉnh. Những năm qua, người dân khu vực nông thôn của tỉnh được thụ hưởng chính sách đào tạo nghề của Đề án 1956 của Chính

phủ như các nghề thủ công, trồng trọt, chăn nuôi, thú y... trong đó hàng nghìn lao động thuộc diện hộ nghèo, người tàn tật, người khuyết tật được tham gia đào tạo nghề và có việc làm sau đào tạo.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Công tác tuyên truyền Đề án và các chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn chưa sâu, chưa đến được với tất cả lao động nông thôn; một số đơn vị tổ chức triển khai, thực hiện còn có biểu hiện hình thức, thiếu tính khả thi, chưa phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của lao động nông thôn, chưa gắn với tình hình thực tiễn của địa phương...

- Gợi ý, đề xuất

Tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức của cấp ủy Đảng, đội ngũ cán bộ về vị trí, vai trò của công tác chính trị tư tưởng, công tác tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đưa công tác tuyên truyền vào Nghị quyết, chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng, các cấp, các ngành, các tổ chức quần chúng.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân. Kịp thời cung cấp tài liệu về những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dạy nghề, giải quyết việc làm... cho báo cáo viên nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyên truyền của đội ngũ báo cáo viên các cấp.

Kết hợp đồng bộ các hình thức tuyên truyền để nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng trong tình hình mới như: Tuyên truyền miệng, báo chí, xuất bản, tổ chức sự kiện, hội thảo... Trong công tác tuyên truyền cần chú trọng đến nội dung nhằm đáp ứng được nhu cầu thông tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.3. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề

- Thuận lợi: Xác định phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm của đội ngũ giáo viên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo, do đó tỉnh đã tổ chức được nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, kỹ năng dạy học, kiến thức kinh doanh và khởi sự doanh nghiệp cho đội ngũ giáo viên, người dạy nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề cấp huyện, xã đáp ứng yêu cầu quản lý đào tạo nghề trên địa bàn.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Do kinh phí hỗ trợ còn hạn hẹp nên chưa tổ chức được các lớp kỹ năng nghề nhằm nâng cao tay nghề cho đội ngũ giáo viên, người dạy nghề.

- Gợi ý, đề xuất: Đề nghị hỗ trợ kinh phí để tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề cho đội ngũ giáo viên, người dạy nghề đáp ứng yêu cầu thực tế sản xuất của doanh nghiệp.

2.4. Phát triển xây dựng chương trình, giáo trình

- Thuận lợi: Ngay từ khi triển khai thực hiện đề án, tỉnh đã chỉ đạo Sở Lao động – TBXH hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghề nghiệp rà soát lại chương trình đào tạo trên cơ sở danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn để xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh. Đồng thời Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã ban hành 55 chương trình đào tạo nghề phi nông nghiệp trình độ sơ cấp; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã ban hành trên 130 chương trình đào tạo nghề nông nghiệp trình độ sơ cấp để các cơ sở giáo dục nghề nghiệp địa phương tham khảo, vận dụng. Năm 2015, Bộ Lao động-TBXH đã ban hành Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH; Thông tư 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 hướng dẫn xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng để các cơ sở GDNN thực hiện.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Chương trình đào tạo chưa được cập nhật, điều chỉnh một cách thường xuyên do nghề đào tạo cho lao động nông thôn vẫn ổn định, không thay đổi nhiều.

- Gợi ý, đề xuất: Giai đoạn tới, cần xác định lại danh mục nghề đào tạo, đặc biệt là nghề nông nghiệp công nghệ cao; đào tạo nghề gắn với sản phẩm OCOP, gắn với nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp; xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng làm cơ sở xây dựng định mức chi phí đào tạo.

2.5. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy nghề của các nghề đã được đầu tư, việc điều chuyển thiết bị dạy nghề không hiệu quả

- Thuận lợi: Các cơ sở đào tạo được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đã từng bước đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề cho lao động nông thôn nói riêng.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Do cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo của các cơ sở đào tạo công lập cấp huyện (*đối tượng được hỗ trợ đầu tư*) đã cũ, xuống cấp, cần được đầu tư, nâng cấp một cách đồng bộ, nên việc đầu giãn trải do kinh phí Trung ương hỗ trợ ít, chưa tập trung nên hiệu quả sử dụng chưa cao.

- Gợi ý, đề xuất: Ngoài việc hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo từ ngân sách nhà nước, các cơ sở đào tạo cần liên kết, phối hợp với các doanh nghiệp để cùng hỗ trợ nhau trong đào tạo, thực hành, thực tập và sử dụng lao động qua đào tạo, đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

2.6. Triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Thuận lợi: Do sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp ủy, chính quyền các cấp từ trung ương tới tỉnh, huyện, xã; hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành được ban hành kịp thời và có sự đồng thuận của người dân nên việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn thuận lợi.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Do chưa bố trí được cán bộ chuyên trách công tác đào tạo nghề tại Phòng Lao động - TBXH cấp huyện nên việc triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn gặp khó khăn, mặt khác, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Lao động - TBXH (Thường trực

Ban chỉ đạo) và Phòng Nông nghiệp và PTNT (đơn vị chủ trì chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn). Kế hoạch đào tạo được xây dựng từ cuối năm trước nhưng phân bổ kinh phí hỗ trợ đào tạo thường vào giữa năm sau nên ảnh hưởng đến việc tuyển sinh, mở lớp của các cơ sở đào tạo.

- Gợi ý, đề xuất: Do chưa thể bố trí được cán bộ chuyên trách công tác đào tạo nghề tại Phòng Lao động - TBXH nên đề nghị các huyện lựa chọn cán bộ kiêm nhiệm am hiểu về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, cử tham dự các buổi tập huấn nghiệp vụ do Sở Lao động - TBXH, Bộ Lao động - TBXH tổ chức để nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Phòng Lao động-TBXH và Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế) trong công tác triển khai thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

2.7. Việc xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn

- Thuận lợi: Những năm đầu thực hiện Đề án đã lựa chọn được một số mô hình hiệu quả để tiếp tục nhân rộng vào những năm sau như: Mô hình đào tạo nghề May công nghiệp để cung ứng lao động cho các doanh nghiệp May trên địa bàn; Mô hình trồng nấm ở Thạch Thành; Đan hàng thủ công mỹ nghệ ở Công ty TNHH Mỹ Quảng (Thiệu Hóa), Hợp tác xã Tân Thọ (Nông Cống); Trồng lúa năng suất cao, sản xuất rau an toàn ở Thọ Xuân, Yên Định; đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người khuyết tật tại Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Nông Phú Vĩnh Lộc; Mô hình Hợp tác xã sản xuất và chế biến và tiêu thụ nấm ăn tại xã Đông Hòa, huyện Đông Sơn; xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn; xã Ba Đình, huyện Nga Sơn; xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa của Trung tâm dạy nghề Phụ nữ Thanh Hóa.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Xác định được một số mô hình có hiệu quả để nhân rộng tuy nhiên kinh phí hỗ trợ hạn hẹp nên chỉ nhân rộng theo hình thức năm sau tiếp tục mở thêm các lớp nghề trên cùng địa bàn nhưng khác xã hoặc mở tiếp ở một số huyện có cùng đặc điểm ngành nghề chứ chưa thể nhân rộng ra toàn tỉnh.

- Gợi ý, đề xuất: Xác định mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nhân rộng nên gắn với doanh nghiệp, đồng thời triển khai theo cơ chế 3 bên “Nhà nước – cơ sở giáo dục nghề nghiệp - doanh nghiệp” để đảm bảo lao động nông thôn được doanh nghiệp tuyển dụng hoặc bao tiêu sản phẩm sau khóa đào tạo.

2.8. Việc kiểm tra, giám sát và chế độ báo cáo

- Thuận lợi: Đào tạo nghề cho lao động nông thôn là một chính sách lớn của Đảng, nhà nước nhằm nâng cao chất lượng lao động khu vực nông thôn góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Việc triển khai thực hiện Đề án được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, sát sao; kiểm tra, giám sát thực hiện đảm bảo đúng quy định, hiệu quả. Tỉnh luôn thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo đúng yêu cầu của Bộ, ngành Trung ương.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Giai đoạn 2010-2015 thực hiện đề án, việc kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, nhiều thành phần tham dự, giai đoạn 2016-2018 việc kiểm tra, giám sát chủ yếu là cơ quan chuyên môn Sở Lao động-TBXH, Sở Nông nghiệp và PTNT. Các ngành thành viên Ban Chỉ đạo chưa thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện đề án theo Quy chế phân công nhiệm vụ về Sở Lao động -Thương binh và Xã hội (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án).

- Gợi ý, đề xuất: Hoạt động kiểm tra, giám sát phải được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm hướng dẫn, uốn nắn hoặc phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai sót (nếu có) để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo đúng mục tiêu đề ra của Đề án. Các ngành thành viên ban chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo đúng quy định để cơ quan thường trực tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Ban chỉ đạo Trung ương.

3. Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới

- Thuận lợi: Tiêu chí số 14.3 “Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016, UBND tỉnh Thanh Hóa đã cụ thể hóa tại Quyết định số 1415/2017/QĐ-UBND ngày 03/5/2017, theo đó chia làm 2 vùng:

+Vùng 1: Xã miền núi đặc biệt khó khăn $\geq 40\%$: Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ, các xã miền núi thuộc diện đầu tư Chương trình 135, các xã miền núi thuộc khu vực III theo quy định tại Quyết định 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Vùng 2: Các xã còn lại $\geq 63\%$

Hiện nay, Bộ Lao động – TBXH đang hướng dẫn cách tính:

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo = Tổng số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã và đã được cấp văn bằng chứng chỉ/Tổng số người đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã X 100%.

- Gợi ý, đề xuất: Đề nghị Bộ Lao động – TBXH thống nhất cách tính như sau:

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo = Tổng số người từ đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã và đã được cấp văn bằng chứng chỉ *hoặc đã được kèm cặp truyền nghề (công nhân kỹ thuật không bằng, chứng chỉ)*/Tổng số người đủ 15 tuổi trở lên có hộ khẩu thường trú, đang có việc làm trên địa bàn xã X 100%.

4. Công tác huy động và sử dụng nguồn lực

- Thuận lợi: Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn được huy động, sử dụng từ nhiều nguồn lực, chương trình, dự án khác nhau như CTMTQG giáo dục-đào tạo; CTMTQG Việc làm và dạy nghề; CTMTQG giảm

nghèo bền vững; CTMTQG xây dựng nông thôn mới; ngân sách địa phương, và huy động từ nguồn khác như doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh...

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Mặc dù kinh phí được bố trí và huy động từ nhiều nguồn, song vẫn chủ yếu là ngân sách trung ương, ngân sách địa phương còn hạn hẹp, huy động khác hạn chế, đặc biệt là đóng góp của người học hầu như không có nên chỉ hỗ trợ được khoảng trên 30% nhu cầu học nghề của lao động nông thôn. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn chiếm tỷ lệ ít so với tổng kinh phí phân bổ cho tỉnh từ nguồn CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2006-2019.

- Gợi ý, đề xuất: Đề nghị Trung ương cân đối lại nguồn vốn CTMTQG xây dựng nông thôn mới, phân bổ kinh phí cho nội dung “Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn” sát nhu cầu của tỉnh.

5. Những bất cập về cơ chế, chính sách thực hiện

- Thuận lợi: Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quy định rất rõ về đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở triển khai thực hiện.

- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Một số ngành nghề có chi phí đào tạo thực tế cao hơn mức hỗ trợ theo quy định, mặt khác mức hỗ trợ chi phí đào tạo lại theo từng đối tượng ưu tiên, tuy nhiên chưa huy động được nguồn kinh phí khác để bù vào chi phí đào tạo cho cơ sở đào tạo, đặc biệt là thu từ người lao động nông thôn là chưa thực hiện được. Nên cơ sở đào tạo chỉ thực hiện chi phí đào tạo bằng mức hỗ trợ, ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo.

- Gợi ý, đề xuất: Đề nghị nên hỗ trợ chi phí đào tạo là như nhau đối với tất cả các đối tượng, nếu thuộc đối tượng ưu tiên thì hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại.

V. TỔNG KẾT MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo, điều hành

Qua thực tiễn cho thấy, địa phương nào cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ vai trò của công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thêm thu nhập thì công tác đào tạo nghề ở địa phương đó được thực hiện tốt. Muốn thực hiện tốt công tác dạy nghề cho lao động nông thôn thì cấp xã phải là trung tâm, điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề, nhu cầu sử dụng lao động qua đào tạo của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, của xã hội và xác định đối tượng lao động được hỗ trợ học nghề. Cấp huyện là cơ quan tổ chức thực hiện đề án, xác định nghề đào tạo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sản xuất và quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương. Lựa chọn cơ sở đào tạo đủ điều kiện, có uy tín, chất lượng để ký hợp đồng dạy nghề. Ngay từ năm đầu triển khai thực hiện đề án, tỉnh đã chỉ đạo tập trung hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại các xã đăng ký xây dựng nông thôn mới nhằm thực hiện hoàn thành tiêu chí

14.3 về tỷ lệ lao động nông thôn có việc làm qua đào tạo, đến nay đã có 312/573 xã về đích nông thôn mới.

2. Kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền, vận động

Chất lượng công tác tuyên truyền, vận động phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp. Do vậy, cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, phương pháp cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở các cấp, các ngành, các đoàn thể nhân dân. Kịp thời cung cấp tài liệu về những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dạy nghề, giải quyết việc làm... cho báo cáo viên nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác tuyên truyền của đội ngũ báo cáo viên các cấp. Ngoài việc tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, báo chí, xuất bản, tổ chức sự kiện, hội thảo... thì việc tổ chức các lớp tư vấn trực tiếp cho bà con nông dân tại cộng đồng rất cần được quan tâm, những thắc mắc về cơ chế chính sách sẽ được giải đáp ngay, có thể huy động các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tham gia các buổi tư vấn cộng đồng, để bà con có thể yên tâm học nghề và làm nghề sau đào tạo.

3. Kinh nghiệm trong việc triển khai đào tạo nghề cho lao động nông thôn; liên kết, phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn

Điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp là khâu quan trọng trong việc xác định ngành nghề đào tạo, do vậy phải lựa chọn đối tượng tham gia học nghề một cách cẩn thận, chỉ những người nông dân trong độ tuổi lao động thực sự có nhu cầu học nghề và cam kết học nghề để tổ chức sản xuất, làm giàu bằng nghề học mới cử đi học, như vậy hiệu quả đầu tư cho đào tạo nghề sẽ tăng lên rất nhiều. Không tổ chức đào tạo khi người lao động chưa xác định được nơi làm việc và mức thu nhập sau khi học nghề. Đồng thời, cơ sở đào tạo cần liên kết, phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp trong quá trình tổ chức đào tạo để người lao động được nắm chắc về lý thuyết, vững về kỹ năng thực hành nghề đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp sau đào tạo, giải quyết được vấn đề thiếu trang thiết bị đào tạo của các cơ sở đào tạo. Định hướng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với phát triển sản xuất, xây dựng HTX, liên kết chuỗi, xây dựng thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại; Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP.

4. Kinh nghiệm trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn

Thường xuyên giám sát việc thực hiện và kịp thời tập hợp ý kiến của nhân dân về công tác này để phản ánh, kiến nghị với các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước đề ra biện pháp chỉ đạo phù hợp.

Phần thứ hai
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2019 - 2020

I. MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM 2019 - 2020

1. Năm 2019

- Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp là: 71.380 người (cao đẳng 2.580, trung cấp 5.990, sơ cấp 23.220, đào tạo dưới 3 tháng 39.990). Trong đó, lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng là 5.425 người (nghề nông nghiệp 1.910 người, nghề phi nông nghiệp 3.515 người).

- 41 xã hoàn thành Tiêu chí 14.3 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

2. Năm 2020

- Tổng số lao động nông thôn được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp là: 74.127 người (cao đẳng 3.117, trung cấp 5.995, sơ cấp 23.439, đào tạo dưới 3 tháng 41.576). Trong đó lao động nông thôn, người khuyết tật được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng là 9.500 người (nghề nông nghiệp 2.850 người, nghề phi nông nghiệp 6.650 người).

- 30 xã hoàn thành Tiêu chí 14.3 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG NĂM 2019 - 2020

1. Rà soát bổ sung danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng

2. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí đào tạo đối với nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng

4. Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật

3. Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, phương tiện vận chuyển đào tạo nghề lưu động cho LĐNT cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Quyết định số 683/QĐ-BLĐTBXH ngày 05/6/2018 (Trường TCN Nga Sơn, Trường TCN Thạch Thành, Trung tâm GDNN-GDTX Thọ Xuân, Trung tâm GDNN-GDTX Như Xuân, Trung tâm GDNN-GDTX Như Thanh, Trung tâm hướng nghiệp - dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên Thanh Hóa).

4. Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, người dạy nghề về kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp; kỹ năng nghề; tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý đào tạo

5. Kiểm tra, giám sát hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người khuyết tật

6. Tổng kết thực hiện Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020”.

Phần thứ ba

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Đề nghị tiếp tục phân bổ kinh phí từ ngân sách Trung ương, các Chương trình mục tiêu quốc gia:

- Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ (sau năm 2020);

- Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách.

- Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo quy định tại Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

2. Phương thức hỗ trợ:

Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng theo quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng cho lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách theo phương thức đặt hàng đào tạo theo cơ chế 3 bên “Nhà nước - cơ sở giáo dục nghề nghiệp - doanh nghiệp”.

3. Đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đối với các nghề phổ biến trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng chung trong cả nước, làm cơ sở để các địa phương xây dựng định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phụ nữ, người khuyết tật; lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa; thanh niên hoàn thành nghĩa vụ...

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục triển khai và thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn; Chương trình hành động số 60/Ctr-UBND ngày 16/5/2013 của Ủy ban nhân tỉnh Thanh Hoá thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 05/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Lồng ghép các chương trình dự án, huy động các nguồn kinh phí để thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

3. Tăng cường mối quan hệ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong việc phối hợp dạy nghề, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

4. Các sở, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội có liên quan cần phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện trách nhiệm triển khai dạy nghề cho lao động nông thôn theo quy định Thông tư số liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BCN-BTTTT ngày 12/12/2012 của Bộ Lao động-Thương binh và

Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông.

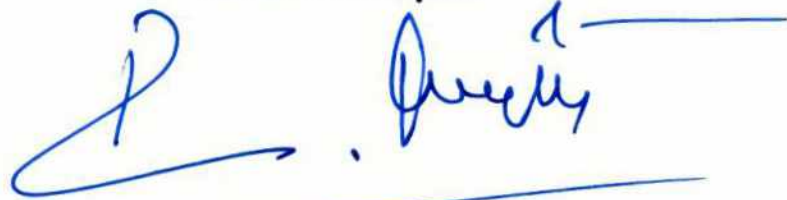
5. Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn từ cấp tỉnh đến cấp xã để đảm bảo dạy nghề có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động và giải quyết việc làm sau đào tạo.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 10 thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trong xây dựng nông thôn mới./.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương (để b/c);
- Bộ Lao động-TBXH (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ Đề án 1956 tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT; VX_{DN64}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Đăng Quyền

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN

(Kèm theo Báo cáo số: **143** /BC-UBND ngày **16** tháng 8 năm 2019
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
I	Công tác chỉ đạo, điều hành						
1	Số đoàn kiểm tra, giám sát về đào tạo nghề cho LĐNT	Đoàn	293	91		28	30
2	Số nghề trong danh mục nghề đào tạo cho lao động nông thôn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	58	115	94	94	94
	<i>Nghề nông nghiệp</i>	<i>Nghề</i>	<i>30</i>	<i>39</i>	<i>39</i>	<i>39</i>	<i>39</i>
	<i>Nghề phi nông nghiệp</i>	<i>Nghề</i>	<i>28</i>	<i>76</i>	<i>55</i>	<i>55</i>	<i>55</i>
3	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề					
4	Số nghề đào tạo cho LĐNT đã xây dựng định mức chi phí đào tạo, đơn giá đặt hàng, được UBND cấp tỉnh phê duyệt	Nghề	58	94	94	94	94
5	Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của cấp tỉnh ban hành đang áp dụng riêng cho địa phương	Số lượng					
6	Công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho LĐNT						
	<i>Số tin, bài tuyên truyền</i>	<i>Tin, bài</i>	<i>11.215</i>	<i>7.240</i>	<i>1.510</i>	<i>2.000</i>	<i>2.500</i>
	<i>Số người được tuyên truyền, tư vấn học nghề</i>	<i>Người</i>	<i>61.197</i>	<i>24.350</i>	<i>3.500</i>	<i>8.000</i>	<i>9.000</i>
7	Số chương trình, giáo trình được cập nhật, chỉnh sửa hoặc xây dựng mới	C.Tr	35	115			
	<i>Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề nông nghiệp</i>	<i>C.Tr</i>	<i>24</i>	<i>39</i>			
	<i>Số chương trình, giáo trình đào tạo nghề phi nông nghiệp</i>	<i>C.Tr</i>	<i>11</i>	<i>76</i>			

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
8	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp	Người					
	Số giáo viên, người dạy nghề, cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng.	Người	1.777	662		105	105
	Số cán bộ chuyên trách về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện	Người	1				
	Số cán bộ kiêm nhiệm theo dõi về Giáo dục nghề nghiệp cấp huyện	Người	26	27	27	27	27
9	Tổng số LĐNT được tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp	Người	347.437	211.828	29.255	71.380	74.127
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng	Người	8.394	5.182	467	2.580	3.117
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ trung cấp	Người	35.528	16.616	1.967	5.590	5.995
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo trình độ sơ cấp	Người	139.438	69.717	11.086	23.220	23.439
	Số LĐNT được tuyển sinh đào tạo dưới 3 tháng	Người	164.077	120.313	15.735	39.990	41.576
10	Tổng số LĐNT được hỗ trợ đào tạo sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg	Người	38.895	21.144	1.277	5.425	9.500
10.1	Chia theo lĩnh vực	Người	38.895	21.144	1.277	5.425	9.500
	Nông nghiệp	Người	21.850	6.787	578	1.910	2.850
	Phi nông nghiệp	Người	17.045	14.357	699	3.515	6.650
10.2	Chia theo đối tượng	Người					
	Lao động nữ	Người	23.857	12.982	860	3.775	5.700
	Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng	Người	119	258	1	5	50
	Người dân tộc thiểu số	Người	10.123	4.418	282	1.092	2.500
	Người thuộc hộ nghèo	Người	5.869	1.426	83	915	500
	Người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất canh tác, đất kinh doanh	Người	109	120		8	50
	Người khuyết tật	Người	1.101	1.525	40	456	500
	Người thuộc hộ cận nghèo	Người	1.111	1.011	8	100	100
	LĐNT khác	Người	20.962	12.453	863	3.509	5.800

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
11	Tổng số lao động nông thôn được hỗ trợ đào tạo nghề và kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp cho lao động nông	Người	490	785		4.080	9.500
12	Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề cho LĐNT	Cơ sở	86	85	89	91	87
	<i>Trường cao đẳng</i>	Cơ sở	3	6	12	12	11
	<i>Trường trung cấp</i>	Cơ sở	15	16	17	17	14
	<i>Trung tâm GDNV</i>		19	17	30	30	30
	<i>Doanh nghiệp</i>	Cơ sở	20	18	17	19	19
	<i>Cơ sở đào tạo khác</i>	Cơ sở	29	28	13	13	13
13	Tổng số cơ sở tham gia đào tạo nghề và kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp cho LĐNT						
	<i>Trường cao đẳng</i>	Cơ sở	1	2		2	2
	<i>Trường trung cấp</i>	Cơ sở	1	3		3	5
	<i>Trung tâm GDNV</i>			1		23	25
	<i>Doanh nghiệp</i>	Cơ sở				3	5
	<i>Cơ sở đào tạo khác</i>	Cơ sở				3	3
14	Tổng số kinh phí đã sử dụng	Tr.đ					
14.1	Chia theo nguồn kinh phí	Tr.đ	181.632,403	65.024,64		19.175,65	39.250
	<i>Ngân sách Trung ương</i>	Tr.đ	160.222,526	38.650,00		9.250,0	36.250
	<i>Ngân sách Địa phương</i>	Tr.đ	10.864,000	22.664,86		7.394,95	2.000
	<i>Các nguồn khác</i>	Tr.đ	10.545,877	3.709,78		2.530,7	1.000
14.2	Chia theo nội dung hoạt động	Tr.đ	181.632,403	65.024,64	0	19.175,65	39.250
	<i>Tuyên truyền, tư vấn học nghề; kiểm tra, giám sát</i>	Tr.đ	920	876,54		170	200
	<i>Điều tra, khảo sát, rà soát, cập nhật, xác định nhu cầu học nghề</i>	Tr.đ	820				
	<i>Phát triển chương trình, giáo trình</i>	Tr.đ					
	<i>Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý</i>	Tr.đ	2.000	753,46		300	300
	<i>Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo</i>		78.800				14.000
	<i>Hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng</i>	Tr.đ	85.072,403	46.389,78		13.371	24.750

TT	Nội dung	ĐVT	Giai đoạn 2010 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2018	6 tháng năm 2019	Ước năm 2019	Dự kiến năm 2020
	<i>Kinh phí thực hiện các nội dung hoạt động khác (đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã)</i>	Tr.đ	14.020	17.004,86		5.334,95	
15	Số người được vay vốn hỗ trợ sản xuất sau học nghề	Người	17.468	5.426			
16	Tổng số LĐNT có việc làm sau học nghề	Người	32.942	18.758		4.600	8.000
16.1	Chia theo lĩnh vực	Người	32.942	18.758	0	4.600	8.000
	<i>Nông nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>19.377</i>	<i>6.196</i>		<i>1.600</i>	<i>2.500</i>
	<i>Phi nông nghiệp</i>	<i>Người</i>	<i>13.565</i>	<i>12.562</i>		<i>3.000</i>	<i>5.500</i>
16.2	Chia theo loại hình công việc	Người	32.942	18.758	0	4.600	8.000
	<i>LĐNT được doanh nghiệp tuyển dụng vào làm việc theo hợp đồng lao động</i>	<i>Người</i>	<i>7.860</i>	<i>7.195</i>		<i>1.500</i>	<i>3.000</i>
	<i>LĐNT được doanh nghiệp nhận ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm</i>	<i>Người</i>	<i>6.937</i>	<i>3.824</i>		<i>1.000</i>	<i>2.000</i>
	<i>LĐNT tiếp tục làm nghề cũ nhưng năng suất lao động, thu nhập tăng lên</i>	<i>Người</i>	<i>18.074</i>	<i>7.739</i>		<i>2.100</i>	<i>3.000</i>
	<i>LĐNT thành lập doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ/nhóm sản xuất</i>	<i>Người</i>	<i>71</i>				
17	Tổng số LĐNT có việc làm sau khi học nghề và kiến thức kinh doanh, khởi sự doanh nghiệp cho LĐNT	Người	438	702		4.600	8.000
18	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề được thoát nghèo	Người	1.007	183		100	100
19	Số hộ gia đình có người tham gia học nghề trở thành hộ có thu nhập khá	Người	529	57			

**TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐẦU TƯ CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO
DỰ ÁN "DẠY NGHỀ CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN" 2010-2019, KẾ HOẠCH 2020**

(Kèm theo Báo cáo số: 143 /BC-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2019
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Đơn vị	Năm 2010-2019			Kế hoạch 2020		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Cơ sở vật chất	Thiết bị dạy nghề		Cơ sở vật chất	Thiết bị dạy nghề
	Cộng	78.800	20.300	58.500	14.000	-	14.000
1	Trường TCN Miền núi	5.800	3.800	2.000	-		
2	Trường TCN Nga Sơn	5.000	2.500	2.500	-		
3	Trường TCN Nghi Sơn	5.000	-	5.000	3.000		3000
4	Trường TCN Bim Sơn	2.000	-	2.000	-		
5	Trường CDN Nông nghiệp&PTNT	1.000	1.000	-	-		
6	Cơ sở cai nghiện ma túy (Sở Lao động-TBXH)	1.300	-	1.300	-		
7	Trung tâm GDNN-GDTX Thọ Xuân	6.000	3.500	2.500	2.000		2000
8	Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Thủy	4.000	500	3.500	-		
9	Trường TCN Thạch Thành	4.000	2.000	2.000	3.000		3000
10	Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Lộc	4.000	1.500	2.500	-		
11	Trung tâm GDNN-GDTX Hậu Lộc	3.000	-	3.000	-		
12	Trung tâm GDNN-GDTX Nông Cống	3.000	-	3.000	-		
13	Trung tâm GDNN-GDTX Triệu Sơn	4.000	-	4.000	-		
14	Trung tâm GDNN-GDTX Thiệu Hóa	3.000	1.000	2.000	-		
15	Trung tâm GDNN-GDTX Đông Sơn	3.500	1.000	2.500	-		
16	Trung tâm GDNN-GDTX Yên Định	7.000	3.500	3.500	-		
17	Trung tâm GDNN-GDTX Như Thanh	2.000	-	2.000	2.000		2000
18	Trung tâm GDNN-GDTX Hoằng Hóa	2.000	-	2.000	-		
19	Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Xương	3.000	-	3.000	-		
20	Trung tâm GDNN-GDTX Hà Trung	2.500	-	2.500	-		
21	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Thanh Hóa	5.000	-	5.000	-		
22	Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Sầm Sơn	1.000	-	1.000	-		
23	Trung tâm GDNN-GDTX Quan Sơn	1.200	-	1.200	-		
24	Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 (Sở Lao động-TBXH)	500		500	-		
25	Trung tâm GDNN-GDTX Như Xuân				2.000		2000
26	Trung tâm hướng nghiệp-dạy nghề và giới thiệu việc làm Thanh niên Thanh Hóa				2.000		2000